

Phác họa bức tranh kinh tế Việt Nam: Nhìn từ kết quả Tổng điều tra kinh tế 2017

NGUYỄN BÍCH LÂM*

Kết quả Tổng điều tra kinh tế 2017 đã phác họa bức tranh khá đầy đủ về sự biến động, phân bố các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, số lượng lao động, cơ cấu ngành, vùng của nền kinh tế, kết quả đóng góp của từng ngành kinh tế cho sự phát triển của cả nước, từng địa phương qua 5 năm, làm cơ sở cho các ngành, các cấp rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Đây được coi là cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng trong công tác điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ, các địa phương, cho từng ngành, từng lĩnh vực.

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ, từ tháng 03/2017 đến tháng 07/2017, ngành Thống kê đã tiến hành Tổng điều tra kinh tế trên phạm vi cả nước. Mục tiêu của Tổng điều tra kinh tế năm 2017 nhằm đánh giá sự phát triển về số lượng và lao động của các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, chi tiết đến cấp đơn vị cơ sở; kết quả sản xuất, kinh doanh (SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu và sự phân bố của các cơ sở của lao động theo địa phương, ngành kinh tế, hình thức sở hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương và nhu cầu thông tin của xã hội. Kết quả của cuộc Tổng điều tra cũng sẽ được sử dụng để tính toán chỉ tiêu GDP của toàn bộ nền kinh tế và GRDP của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cũng như những chỉ tiêu thống kê chủ yếu năm 2016.

Có thể điểm qua 12 kết quả nổi bật của cuộc Tổng điều tra kinh tế 2017 như sau:

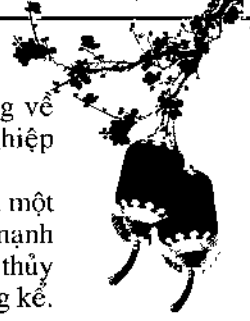
1. SỐ LƯỢNG VÀ LAO ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TIẾP TỤC TĂNG QUA 5 NĂM, TRONG ĐÓ KHỐI DOANH NGHIỆP CÓ MỨC TĂNG CAO NHẤT

Tính đến thời điểm 01/07/2017, cả nước có gần 5,9 triệu đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tăng 13,7% so với năm 2012 - tương đương 706 nghìn đơn vị, mỗi năm tăng bình quân 2,6%, thấp hơn mức 5% của thời kỳ 2007-2012. Số lượng lao động trong các đơn vị là 26,9 triệu người, tăng 18,5% (tương đương 4,2 triệu người) so với năm 2012, tốc độ tăng bình quân hàng năm 3,4%, thấp hơn mức 6,7% của giai đoạn 2007-2012.

Doanh nghiệp (DN) là loại hình dẫn đầu về mức tăng số lượng và thu hút lao động. Tính đến ngày 31/12/2016, cả nước có 518 nghìn DN thực tế đang tồn tại (không kể 66,2 nghìn DN ngừng hoạt động chờ giải thể, phá sản, đóng mã số thuế do cơ quan thuế đang quản lý và DN không tìm thấy, không xác minh được địa chỉ qua rà soát danh sách). So với số liệu cuộc tổng điều tra trước đó (năm 2012), con số này đã tăng 176 nghìn DN và gấp 1,5 lần; trong đó, có 505 nghìn DN thực tế hoạt động. Khối DN thu hút 14,1 triệu lao động, tăng 28,5% so với năm 2012, trong đó 14 triệu lao động thuộc các DN thực tế hoạt động. Thời kỳ 2011-2016, bình quân hàng năm số lượng DN tăng 8,7%, lao động tăng 5,1%. Điều này phản ánh hiệu quả của Nhà nước kiến tạo, đẩy mạnh cải cách thể chế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh.

Kết quả Tổng điều tra cũng cho thấy, cả nước có 13,56 nghìn hợp tác xã, thu hút 206,6 nghìn lao động, giảm nhẹ về số cơ sở và giảm tới 15% về lao động so với năm 2012. Số lượng các hợp tác xã thuộc ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng chủ yếu với 51%; ngành công nghiệp và xây dựng giảm từ 24% năm 2012 xuống 19,5%; dịch vụ chiếm 29,5% tăng 5,4 điểm phần trăm so với năm 2012.

* TS., Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê



Số lượng cơ sở SXKD cá thể đến thời điểm 01/07/2017 là 5,1 triệu, tăng chậm hơn nhiều so với thời kỳ trước với 11,2%, thu hút 8,7 triệu lao động, tăng 9% so với 2012. Mức tăng bình quân hàng năm về số cơ sở và lao động là 2,2% và 1,7%, thấp hơn mức 4,3% và 3,8% của thời kỳ 2007-2012. Tuy chiếm tỷ trọng lớn tới 87,8% về số lượng đơn vị (thấp hơn mức 89,7% năm 2012), nhưng lao động chỉ chiếm 32,2% tổng số lao động của các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp (năm 2012 là 35%) do các cơ sở SXKD cá thể có quy mô lao động nhỏ.

Điều đáng lưu ý là, các đơn vị hành chính, sự nghiệp có mức tăng số lượng đơn vị và lao động đều thấp hơn năm 2012 với 2,3% và 11,3% (năm 2012 tăng 5,7% và 20,5% so với năm 2007). Các đơn vị sự nghiệp tăng 2,4% về số lượng cơ sở và 14,6% về lao động (năm 2012 tăng tương ứng 14% và 27,5%).

Cả nước có 42.7 nghìn cơ sở thuộc các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, như: đạo Phật, Thiên chúa giáo, đạo Cao Đài, đạo Tin lành, đạo Hồi.... với 140 nghìn chức sắc, lao động làm việc thường xuyên tại các cơ sở này. So với năm 2012, số lượng các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tăng 19,5%, thấp hơn mức tăng 27,4% của năm 2012 so với năm 2007.

2. QUY MÔ LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN CHUNG CỦA MỘT ĐƠN VỊ KINH TẾ TĂNG KHÔNG ĐÁNG KỂ SO VỚI 5 NĂM TRƯỚC ĐÂY, NHƯNG GIẢM Ở KHỐI DN

Nhìn chung, lao động bình quân trên một đơn vị kinh tế thay đổi không đáng kể so với năm 2012 và có sự khác biệt giữa các đơn vị kinh tế và khối hành chính, sự nghiệp. Lao động bình quân một DN giảm từ 32 người xuống 27 người trong đó DN nhà nước, DN ngoài nhà nước đều giảm tương ứng là 20 người và 3 người/1 DN. Riêng các DN FDI tăng bình quân 15 người/1 DN so với năm 2012. Khu vực kinh tế tập thể và cá thể đều có sự giảm nhẹ.

Lao động bình quân của các đơn vị thuộc khối hành chính sự nghiệp có sự biến động khác nhau: cơ quan hành chính thay đổi không đáng kể so với năm 2012, lao động bình quân của các tổ chức chính trị, đoàn thể hiệp hội giảm 2,4% (từ 7 người xuống 6,8 người/1 đơn vị), trong khi của một đơn vị sự nghiệp tăng 12% (từ 31 người lên 34,7 người/1 đơn

vị). Các cơ sở y tế và đơn vị sự nghiệp hoạt động về kinh tế, môi trường, khoa học công nghệ và sự nghiệp khác có mức tăng cao hơn với 19,5% và 22,3%.

Xét về khu vực kinh tế, lao động bình quân trên một đơn vị thuộc khu vực công nghiệp xây dựng tăng mạnh với 17,9%, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm trong khi khu vực dịch vụ tăng không đáng kể.

3. KHU VỰC DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN NHANH, CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN NHẤT VỀ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ, LAO ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ

Số lượng đơn vị thuộc khu vực dịch vụ tăng 17,2% và tăng 18,8% về lao động, thấp hơn mức tăng 30,7% và 39,8% của thời kỳ 2007-2012, nhưng là khu vực có mức tăng mạnh nhất và cao hơn mức tăng chung. Số lượng đơn vị của khu vực này chiếm 81%, cao hơn 2,4 điểm phần trăm so với năm 2012. Lao động chiếm tỷ trọng tương đương năm 2012 với 56%. Bình quân hàng năm thời kỳ 2012-2017 số lượng đơn vị và lao động khu vực dịch vụ tăng 3,2% và 3,5%, thấp hơn mức 5,4% và 6,9% của thời kỳ 2007-2012. Tỷ trọng số lượng đơn vị và lao động của khu vực dịch vụ cao là do sự đóng góp lớn của các cơ sở SXKD cá thể, chiếm tới 88,4% số đơn vị khu vực này, nhưng lao động chỉ chiếm 42,4%. Trong khi đó, khối DN chiếm 7,6% về số lượng đơn vị, nhưng sử dụng 31,2% lao động. Các đơn vị hành chính sự nghiệp đóng góp 3% số lượng đơn vị, nhưng lao động chiếm tới 25%.

4. ĐƠN VỊ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP TẬP TRUNG NHIỀU NHẤT TẠI VÙNG ĐÔNG BẮNG SÔNG HỒNG, NHƯNG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TIẾP TỤC LÀ VÙNG THU HÚT NHIỀU DN

Kết quả sơ bộ cho thấy, trong 6 vùng kinh tế, Đồng bằng sông Hồng có số lượng đơn vị lớn nhất chiếm 26% và thu hút 30% số lao động. Tuy nhiên, số lượng DN và lao động trong các DN tập trung lớn nhất tại Vùng Đông Nam Bộ, chiếm tới 42% tổng số DN và 38% về lao động. Đồng bằng sông Hồng xếp thứ 2 với 31% về số DN và 32% lao động. Tây Nguyên vẫn là vùng có số lượng DN ít nhất.

Xét theo tỉnh, thành phố, 5 địa phương có số lượng đơn vị lớn nhất lần lượt là TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An và Đồng Nai. So với năm 2012, 4 vị trí đầu không thay đổi, nhưng vị trí thứ 5 có thay đổi là Đồng Nai thay cho Thái Bình. Tuy nhiên, về lao động lớn nhất vẫn thuộc về TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, tiếp theo là Bình Dương, Đồng Nai và Thanh Hóa, thứ tự không thay đổi so với năm 2012.

5. SỐ LƯỢNG DN NGOÀI NHÀ NƯỚC VÀ FDI TĂNG, DN NHÀ NƯỚC GIẢM VỚI TỐC ĐỘ CHẬM

Tính đến thời điểm 01/01/2017, trong tổng số 518 nghìn DN đang tồn tại và thu thập được số liệu qua Tổng điều tra, có 12,8 nghìn DN đang trong giai đoạn

đầu tư, 505 nghìn DN thực tế đang hoạt động tăng 55,6% so với Tổng điều tra năm 2012. Bình quân hàng năm thời kỳ 2012-2017 tăng 9,2%.

Theo loại hình DN, khu vực DN ngoài nhà nước có số lượng DN lớn nhất với 500 nghìn, tăng 52,2% so với năm 2012 và mỗi năm tăng bình quân 8,7%. Số lượng DN FDI là 14,6 nghìn, tăng mạnh nhất với 54,2% so với thời điểm 01/01/2012, bình quân hàng năm tăng 9,2%. Do chủ trương cổ phần hóa, sắp xếp lại của Nhà nước, các DN nhà nước liên tục giảm trong giai đoạn này, thời điểm 01/01/2017 tổng số DN hoạt động chỉ còn 2.701 DN, giảm 18,3% tương đương 607 DN so với năm 2012, bình quân mỗi năm giảm khá chậm với 3%.

6. THEO KHU VỰC KINH TẾ, SỐ LƯỢNG DN DỊCH VỤ TĂNG CAO NHẤT

Các DN thuộc khu vực dịch vụ luôn có số lượng lớn nhất, năm 2017 có 362 nghìn DN, chiếm 70% tổng số DN và tăng 57% so với năm 2012 trong đó 354 nghìn DN đang hoạt động, tăng 61% so với năm 2012. Một số ngành thuộc khu vực này có số lượng DN tăng mạnh, như: giáo dục - đào tạo tăng 155%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 106%; chuyên môn khoa học, công nghệ tăng 87%; y tế tăng 84%; vận tải kho bãi tăng 63,9%; kinh doanh bất động sản tăng 63%... Điều này phản ánh hiệu quả của chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước chuyển các đơn vị hoạt động sự nghiệp công lập sang hoạt động theo mô hình DN.

Khu vực công nghiệp và xây dựng có 151 nghìn DN, chiếm tỷ trọng 29% và tăng 41% so với năm 2012. Trong đó, 146 nghìn DN đang hoạt động, tăng 44,6%, bình quân giai đoạn 2012-2017 mỗi năm số DN khu vực này tăng 7,7%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng DN thấp nhất, với 4.942 DN, tăng 27% so với năm 2012. Trong đó, DN đang hoạt động năm 2017 là 4.447, tăng 34,5% so với năm 2012, bình quân giai đoạn 2012-2017 mỗi năm khu vực này chỉ tăng 6,1%. Ở khu vực này, đáng chú ý là các DN hoạt động nông nghiệp tăng cao với 50% so với năm 2012. Đây là kết quả của chính sách thu hút đầu tư của các DN vào khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản những năm gần đây.

7. THEO NGÀNH KINH TẾ, LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN NHẤT VÀ CÓ MỨC TĂNG CAO NHẤT

Lao động làm việc trong khu vực DN năm 2017 là 14,1 triệu người, tăng 28,5% so với năm 2012, bình quân giai đoạn 2012-2017 mỗi năm khu vực DN thu hút thêm 625 nghìn lao động.

Giai đoạn 2012-2017, các DN ngoài nhà nước thu hút số lao động lớn nhất với 8,6 triệu người, tăng 28% và chiếm 61% tổng lao động khối DN và mỗi năm tăng bình quân 5%. Khu vực FDI có 4,1 triệu lao động, tăng 62,8% và chiếm tỷ trọng 29,5%, mức tăng bình quân

hàng năm khu vực này là 10%. Lao động của DN nhà nước giảm từ 1,67 triệu người xuống 1,3 triệu người, giảm 22% so với năm 2012 và hiện chỉ chiếm 9,3% tổng số lao động khu vực DN. Tuy nhiên, các DN nhà nước vẫn là các DN có quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động.

Theo ngành kinh tế, các DN hoạt động trong khu vực công nghiệp và xây dựng hiện đang thu hút nhiều lao động nhất với 9,1 triệu người, chiếm 64,7% tổng số lao động của khu vực DN, tăng 28,4% so với năm 2012. Bình quân giai đoạn 2012-2017, mỗi năm khu vực này thu hút thêm 404 nghìn lao động.

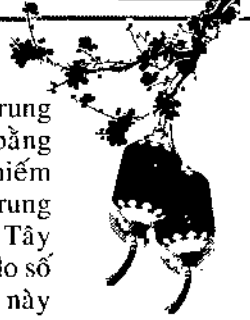
Trong số 20 ngành kinh tế cấp 1 được điều tra, có 5 ngành thu hút nhiều lao động nhất và chiếm tới 83% tổng số lao động khu vực DN, gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; vận tải kho bãi; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác; hoạt động chuyên môn khoa học, công nghệ. Riêng ngành chế biến, chế tạo thu hút tới 6,8 triệu lao động, chiếm tỷ trọng 48%, tăng 3,4 điểm phần trăm so với năm 2012 do sự tăng trưởng mạnh của các ngành may mặc, giày dép, sản xuất sản phẩm điện tử, chế biến thực phẩm và sản xuất các sản phẩm từ kim loại. Các ngành này đóng góp tới 71% mức tăng chung về lao động của công nghiệp chế biến chế tạo so với năm 2012.

8. SỐ LƯỢNG DN QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ TĂNG MẠNH HƠN CÁC DN CÓ QUY MÔ LỚN

Xét theo quy mô lao động, tại thời điểm 01/01/2017 cả nước có hơn 10 nghìn DN lớn, tăng 29% so với năm 2012 và chiếm 1,9% tổng số DN, giảm so với 2,3% của năm 2012. DN vừa tăng 23,6%, DN nhỏ tăng 21,2% và DN siêu nhỏ tăng tới 65,5% và chiếm 74% tổng số DN. Đáng chú ý là tỷ trọng các DN vừa và nhỏ tăng tới 6 điểm phần trăm so với năm 2012 trong khi tỷ trọng lao động giảm 0,8 điểm phần trăm cho thấy qui mô DN đang nhỏ dần.

9. SỐ DN CÓ HOẠT ĐỘNG XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TĂNG MẠNH; GIA CÔNG HÀNG HÓA VỚI NƯỚC NGOÀI ĐÓNG GÓP LỚN VÀO MỨC TĂNG KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU 5 NĂM QUA

Số lượng DN có hoạt động xuất - nhập khẩu thời điểm 01/01/2017 khoảng 63



ngành, tăng 48,2% so với cùng thời điểm năm 2012, tốc độ tăng bình quân hàng năm thời kỳ là 8,2%, trong đó số DN có hoạt động xuất khẩu là 23,3 nghìn, tăng bình quân 7,1%/năm, DN có hoạt động nhập khẩu là 55,1 nghìn, tăng bình quân 8,7%/năm và DN có cả hai hoạt động là 15,4 nghìn, bình quân hàng năm tăng 8,3%.

Hoạt động gia công hàng hóa với nước ngoài là một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào mức tăng trưởng cao của xuất, nhập khẩu. Theo số liệu từ Tổng điều tra và từ Tổng cục Hải quan cung cấp cho thấy, số lượng các DN có hoạt động gia công đơn thuần (nhập khẩu nguyên liệu của người đặt hàng nước ngoài và xuất khẩu thành phẩm, chỉ nhận phí dịch vụ gia công, không có sự chuyển quyền sở hữu với hàng hóa) là gần 4,2 nghìn, hầu hết thuộc các ngành dệt may, giày dép và chiếm khoảng 20% số DN thuộc các ngành này.

10. CƠ SỞ SXKD CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Tại thời điểm 01/07/2017, cả nước có 5,14 triệu cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (cơ sở cá thể), tăng 11,2% so với năm 2012 và thấp hơn nhiều so với mức tăng 23,4% của năm 2012 so với năm 2007. Bình quân mỗi năm tăng 2,15%. Các cơ sở cá thể thu hút 8,7 triệu lao động, tăng 9% so với năm 2012. Mức tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2012-2017 là 1,7%.

Tuy chiếm tỷ trọng tới 87,8 về số lượng cơ sở, nhưng tỷ trọng về lao động của khối cơ sở SXKD cá thể chỉ chiếm 32% tổng số lao động của các cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp.

Quy mô của các cơ sở SXKD cá thể vẫn rất nhỏ lẻ và có xu hướng giảm nhẹ so với trước. Số lao động bình quân trong một cơ sở SXKD cá thể năm 2017 là 1,68 lao động, thấp hơn mức 1,72 của năm 2012, thể hiện ở 3 nhóm ngành: ngành công nghiệp là 1,96 người (giảm 0,13 điểm phần trăm); ngành xây dựng là 6,04 người (giảm 0,16 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi là 1,27 người (giảm 0,03 điểm phần trăm). Ngành thương mại lao động bình quân/1 cơ sở có 1,49 người và ngành dịch vụ là 1,62 người không thay đổi so với năm 2012.

Xét theo vùng kinh tế, do đặc điểm gắn liền hoạt động SXKD với việc phục vụ đời sống thường ngày của hộ gia đình

và cá nhân, các cơ sở SXKD cá thể thường tập trung đông ở các vùng có số lượng dân cư lớn. Đồng bằng sông Hồng là vùng có cơ sở cá thể lớn nhất, chiếm 26% số lượng và 27% lao động, tiếp theo là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với 23% và 22%, Tây Nguyên vẫn là vùng có số lượng cơ sở cá thể thấp do số lượng và mật độ dân cư thấp. Nhìn chung, cơ cấu này không thay đổi so với năm 2012.

11. SỐ LƯỢNG CƠ SỞ VÀ LAO ĐỘNG CỦA KHU VỰC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP TƯƠNG ĐỐI ỔN ĐỊNH VÀ MỨC TĂNG THẤP HƠN NĂM 2012

Tổng số đơn vị thuộc khối hành chính, sự nghiệp năm 2017 là 143,7 nghìn, tăng 2,3% so với năm 2012 và thấp hơn so với mức tăng 5,7% của năm 2012 so với năm 2007.

Trong khối sự nghiệp, số lượng cơ sở y tế giảm không đáng kể so với năm 2012 do một số đơn vị chuyển sang hoạt động theo mô hình DN. Có 46 nghìn cơ sở giáo dục đào tạo, tăng 2,9%, 1,6 nghìn cơ sở văn hóa thể thao, tăng 6,8%; 1,4 nghìn cơ sở thông tin truyền thông, tăng 6,9%; và 10,8 nghìn cơ sở sự nghiệp khác, tăng 2% so với năm 2012. Số lượng các tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội là 35,1 nghìn tăng 3,6%.

Lao động của khu vực hành chính sự nghiệp năm 2017 là 3,8 triệu người, tăng 11,3% so với năm 2012 và thấp hơn nhiều so với mức tăng 20,5% của năm 2012 so với 2007, bình quân hàng năm thời kỳ 2012-2017 tăng 2,2%. Lao động khu vực này đóng góp 14% tổng lao động của khu vực kinh tế, hành chính sự nghiệp và giảm một điểm phần trăm so với mức tăng của năm 2012. Các đơn vị sự nghiệp đóng góp lớn nhất vào mức tăng của khu vực này, chiếm tỷ trọng 70%, tăng 14,6% so với năm 2012 trong đó các cơ sở y tế tăng tới 19,5%, giáo dục đào tạo tăng 12,8%, văn hóa, thể thao tăng 15,6%, cơ sở sự nghiệp khác tăng 25%.

Trong các đơn vị sự nghiệp, thì sự nghiệp công lập vẫn chiếm tỷ lệ tới 96% với gần 70,7 nghìn cơ sở và 2,45 triệu lao động.

12. MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP NÂNG LÊN, NHƯNG TỶ LỆ SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CÒN Ở MỨC ĐỘ THẤP

So với năm 2012, số lượng các đơn vị hành chính sự nghiệp có sử dụng máy tính đã tăng từ 89% lên 98%, sử dụng internet đạt 95%. Tuy nhiên, mục đích sử dụng internet còn khá đơn giản, chủ yếu để gửi và nhận email (98%); tìm kiếm thông tin (94%); học tập nghiên cứu (85%); trong khi tỷ lệ cơ sở sử dụng máy tính và internet để điều hành tác nghiệp chỉ đạt 36%; cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 12,6%. Trong đó, các cơ quan trung ương 87%, cơ quan địa phương 12%. Xét theo mức độ cung cấp hoàn chỉnh dịch vụ công trực tuyến qua internet, chỉ có 1,2% số cơ sở ở mức độ 4 trong đó cơ quan trung ương 12,8%. □